



zì dà kuáng
自大狂

noun · egomaniac, arrogant person

Example Sentences

tā shì gè zì dà kuáng zǒng jué de zì jǐ zuì cōng míng
他是个自大狂，总觉得自己最聪明。

He is an egomaniac who always thinks he is the smartest.

Nà gè zì dà kuáng zài huì yì shàng dǎ duàn le suǒ yǒu rén de fā yán
那个自大狂在会议上打断了所有人的发言。

That arrogant person interrupted everyone's speech at the meeting.

Trace each character, then write the word on your own.

自	自	自	自	自	自	自	自	自		
大	大	大	大	大	大					
狂	狂	狂	狂	狂	狂	狂	狂	狂	狂	